SỞ GD&ĐT NINH BÌNH
**TRUNG TÂM GDNN-GDTX YÊN MÔ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 97/QĐ-TTYM

*Yên Từ, ngày 28 tháng 12 năm 2025*

# QUYẾT ĐỊNH
## V/v công bố công khai bổ sung chi NSNN năm 2025 của Trung tâm GDNN-GDTX Yên Mô

## GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GDNN-GDTX YÊN MÔ

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ vào Quyết định số 1803/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025.*

*Theo đề nghị của Kế toán Trung tâm GDNN-GDTX Yên Mô.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**: Công bố công khai công khai bổ sung chi NSNN năm 2025 của Trung tâm GDNN-GDTX Yên Mô *(theo biểu đính kèm)*

**Điều 2**: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3**: Kế toán nhà trường, các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Sở GD&ĐT;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN YÊN MÔ

**Vũ Xuân Tiến**

*Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính*

Đơn vị: **Trung tâm GDNN-GDTX Yên Mô**

Chương: 422

**Lần 4**

# CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

*(Kèm theo Quyết định số 87/QĐ- TTYM ngày 25/12/2025)*

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

*Đvt: Nghìn đồng*

| Số TT | Nội dung | Dự toán được giao | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | | |
| 1 | Số thu phí, lệ phí | | |
| 1.1 | Lệ phí | | |
| 1.2 | Phí | | |
| **1,3** | **Thu khác** | | |
| | Học phí | | |
| | Học phí nghề | | |
| | Lệ phí thi | | |
| | Học Thêm | | |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | | |
| 2.1 | Chi sự nghiệp…… | | |
| a | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | |
| b | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | |
| 2.2 | Chi quản lý hành chính | | |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | | |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | | |
| 3.1 | Lệ phí | | |
| 3.2 | Phí | | |
| **3.3** | **Thu khác** | | |
| | Học phí | | |
| II | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | **187.000** | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | | |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | |
| **2** | **Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề** | **187.000** | |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 187.000 | |
| 2.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | |

Căn cứ quyết định số 1803/QĐ-SGDĐT ngày 24/12/2025